

Bản án số: 558/2018/DS-ST
Ngày: 31/10/2018
Về việc tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Trọng Thắng;
2. Ông Nguyễn Đình Rành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thơm – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại phòng Xử án Tòa án nhân dân Quận 7 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 313/2018/DSST ngày 07/9/2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 318/2018/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Tài chính T; địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà R, số 9 đường Đ, Phường 12, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Hồng L, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 47A đường L, ấp 3, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 23/7/2018) (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Phan Ngọc T, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 21A đường số M, tổ 17, Khu phố 2, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Số 95/20 đường L, tổ 15, khu phố 1, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/7/2018, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phan Hồng L trình bày:

Ngày 09/11/2015, Công ty tài chính T – bên cho vay và bà Phan Ngọc T – bên vay, có ký giấy “Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng” số 20151109-

500000-0592 (sau đây gọi tắt là hợp đồng), theo đó các bên thỏa thuận như sau:

Công ty tài chính T đồng ý cho bà T vay tổng số tiền là 28.340.433 đồng, trong đó phí bảo hiểm là 1.477.463 đồng và số tiền vay là 26.862.970 đồng; lãi suất cho vay là 5%/tháng; mục đích vay là tiêu dùng cá nhân; trả góp (gốc, lãi) hàng tháng (kỳ), mỗi kỳ bà T có nghĩa vụ trả số tiền là 1.713.000 đồng; thời hạn vay là 36 tháng (36 kỳ), kỳ thanh toán đầu tiên là ngày 13/12/2015, tổng số tiền bà T phải trả (gốc và lãi) trong 36 kỳ là 61.644.000 đồng, 35 kỳ đầu mỗi kỳ trả 1.713.000 đồng, kỳ cuối cùng trả 1.689.000 đồng.

Nguyên đơn đã giải ngân đủ số tiền là 28.340.433 đồng cho bà T.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 28/3/2017 bà T đã thanh toán cho nguyên đơn được tổng số tiền là 17.130.000 đồng và ngưng không thanh toán. Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện buộc bà T trả toàn bộ số tiền nợ còn lại của hợp đồng tính đến ngày 27/9/2018 là 44.274.498 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 24.617.654 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 19.656.844 đồng;

Yêu cầu trả khoản nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trong trường hợp bà Phan Ngọc T không tự nguyện thi hành án đúng hạn, bà Phan Ngọc T còn phải thanh toán thêm cho Công ty tài chính T số tiền lãi chậm trả theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng trên toàn bộ số tiền trả chậm cho đến ngày thanh toán xong.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định nguyên đơn cho cá nhân bà T vay nên chỉ khởi kiện yêu cầu cá nhân bà T có nghĩa vụ trả nợ.

Về vấn đề số tiền bảo hiểm 1.477.463 đồng, ông có ý kiến như sau: Trong quá trình thực hiện hợp đồng không phát sinh sự kiện bảo hiểm theo thỏa thuận tại văn bản “thông tin bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân” và Giấy chứng nhận bảo hiểm bảo an tín dụng số 08CN0215FECREDIT0012 giữa Công ty H và bà T. Do vậy, ông đề nghị không đưa Công ty H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi liên quan trong vụ án này.

Tại bản tự khai ngày 04/10/2018, bị đơn bà Phan Ngọc T trình bày:

Với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà đề nghị xem xét không tính nợ lãi. Vì bà cho rằng phía ngân hàng tính lãi quá cao hơn nữa hiện tại bà rất khó khăn, bà phải đi làm thuê mỗi tháng thu nhập từ 2-4 triệu đồng, đồng thời phải nuôi con và thuê nhà để ở nên không đủ khả năng để trả lãi cho ngân hàng. Đối với khoản tiền nợ gốc là 24.617.654 đồng, bà đề nghị cho bà trả dần, cụ thể là mỗi tháng trả 1.000.000 đồng (một triệu đồng), trả vào ngày 30 hàng tháng, bắt đầu thi hành từ tháng 10/2018 cho đến khi bà T trả hết nợ.

Do bà bận công việc nên không thể đến Tòa để giải quyết vụ án nên đề nghị Tòa án cho bà được vắng mặt. Bà T có nộp đơn xin vắng mặt tại Tòa đề ngày 04/10/2018.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty tài chính T có đại diện là ông Phan

Hồng L và bị đơn bà Phan Ngọc T đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 BLTTDS; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 BLTTDS; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS

Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy:

Căn cứ vào “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20151109-500000-0592 ngày 09/11/2015 được ký giữa Công ty tài chính T và bà Phan Ngọc T có cơ sở xác định nguyên đơn cho bà T vay số tiền là 28.340.433 đồng, trong đó phí bảo hiểm là 1.477.463 đồng và số tiền vay là 26.862.970 đồng; lãi suất cho vay là 5%/tháng; mục đích vay là tiêu dùng cá nhân; trả góp (gốc, lãi) hàng tháng (kỳ), mỗi kỳ bà T có nghĩa vụ trả số tiền là 1.713.000 đồng; thời hạn vay là 36 tháng (36 kỳ), kỳ thanh toán đầu tiên là ngày 13/12/2015, tổng số tiền bà T phải trả (gốc và lãi) trong 36 kỳ là 61.644.000 đồng, trong đó 35 kỳ đầu mỗi kỳ trả 1.713.000 đồng, kỳ cuối cùng trả 1.689.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã trả cho nguyên đơn 10 kỳ với tổng số tiền là 17.130.000 đồng. Kể từ ngày 28/3/2017 đến nay, bà T không thanh toán. Mặc dù, nguyên đơn đã nhắc nhở nhiều lần nhưng bà T vẫn không thanh toán khoản nợ vay là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký kết.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà chỉ không đồng ý trả lãi vì cho rằng nguyên đơn tính lãi cao và bà không đủ điều kiện để trả. Đối với khoản nợ gốc, bà đề nghị trả dần, cụ thể mỗi tháng trả 1.000.000 đồng, vào ngày 30 hàng tháng, bắt đầu trả từ tháng 10/2018 cho đến khi trả hết nợ.

Từ những lập luận trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Về thời hạn trả nợ: Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ.

Đối với số tiền bảo hiểm 1.477.463 đồng do phía đại diện nguyên đơn có ý kiến: Trong quá trình thực hiện hợp đồng không phát sinh sự kiện bảo hiểm theo thỏa thuận tại văn bản “thông tin bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân” và Giấy chứng nhận bảo hiểm bảo an tín dụng số 08CN0215FECREDIT0012 giữa Công ty H và bà T. Đề nghị Tòa án không đưa Công ty H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi liên quan trong vụ án này nên Tòa án không xem xét giải quyết là có căn cứ.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về án phí: Bị đơn bà Phan Ngọc T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nguyên đơn và bị đơn thì đây là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ vào kết quả xác minh tại Công an phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và lời trình bày của bị đơn thì bị đơn cư trú tại địa chỉ 95/20 đường L, tổ 15, khu phố 1, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa; tuy nhiên đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phan Hồng L và bị đơn bà Phan Ngọc T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20151109-500000-0592 ngày 09/11/2015 được ký giữa Công ty tài chính T và bà Phan Ngọc T, các chứng cứ khác có trong hồ sơ và lời thừa nhận của các đương sự, đã có đủ cơ sở để kết luận: Nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền là 28.340.433 đồng để tiêu dùng cá nhân, lãi suất cho vay là 5%/tháng; bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền vay theo phương thức trả góp, mỗi tháng (kỳ) trả gốc và lãi là 1.713.000 đồng; trả vào ngày 13 hàng tháng, bắt đầu trả từ tháng 11/2015, tổng số tiền bị đơn phải trả (gốc và lãi) trong 36 kỳ là 61.644.000 đồng, bị đơn đã trả cho nguyên đơn tổng số tiền (gốc và lãi) là 17.130.000 đồng. Số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn tính đến ngày 27/9/2018 là 44.274.498 đồng, trong đó, nợ gốc là 24.617.654 đồng; nợ lãi là 19.656.844 đồng.

** Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc là 24.617.654 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Tại giấy “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20151109-500000-0592 ngày 09/11/2015, bản kế hoạch trả nợ thì bà T còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 24.617.654 đồng. Bà T cũng không có ý kiến gì đối với khoản nợ gốc này, chỉ yêu cầu trả dần số nợ.

Căn cứ Khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay “bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”.

Căn cứ Điểm c Khoản 2 Điều 24 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định nghĩa vụ của bên vay là: Trả nợ gốc và lãi vốn vay theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng

Từ ngày 28/3/2017 đến nay bà T không trả nợ cho nguyên đơn, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận các bên trong hợp đồng tín dụng, vi phạm Khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005, đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn buộc bà T trả số tiền nợ gốc là 24.617.654 đồng là có căn cứ chấp nhận.

** Đối với yêu cầu về tiền lãi trong hạn Hội đồng xét xử xét thấy:*

Tại Mục 2.2 Điều 2 của “đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20151109-500000-0592 ngày 09/11/2015, các bên thỏa thuận mức lãi suất cho vay là 5%/tháng, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi vào ngày 13 hàng tháng, tổng số tiền phải trả là 61.644.000 đồng, bị đơn đã trả được 17.130.000 đồng, từ tháng 28/3/2017 bị đơn không trả nữa.

Mặc dù, bị đơn không đồng ý trả lãi vì cho rằng lãi suất quá cao và không đủ điều kiện kinh tế để trả nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ. Hơn nữa, việc hai bên ký kết và thỏa thuận về lãi suất tại hợp đồng tín dụng là tự nguyện.

Tại Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

Tại Điều 1 Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định: Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng.

Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ lãi trong hạn 19.656.844 đồng là có cơ sở.

Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì tiền lãi sẽ được tiếp tục tính trên số dư nợ gốc thực nợ kể từ ngày 27/9/2018 trở đi, theo mức lãi suất được quy định tại “đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20151109-500000-0592 ngày 09/11/2015 mà hai bên đã ký kết cho đến khi bà T trả hết nợ gốc.

Do đó, trong trường hợp bà Phan Ngọc T không tự nguyện thi hành án đúng hạn, bà Phan Ngọc T còn phải thanh toán thêm số tiền lãi chậm trả theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng trên toàn bộ số tiền trả chậm cho đến ngày thanh toán xong cho công ty tài chính như nguyên đơn yêu cầu là có căn cứ.

** Đối với đề nghị của nguyên đơn về việc không đưa Công ty H vào tham gia tố tụng Hội đồng xét xử xét thấy:*

Căn cứ vào “đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20151109-500000-0592 ngày 09/11/2015 và bản “thông tin bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân”, Giấy chứng nhận bảo hiểm bảo an tín dụng số 08CN0215FECREDIT0012 có đủ cơ sở xác định bà T có tham gia bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân đối với khoản vay của bà T tại Công ty tài chính T.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận bảo hiểm bảo an tín dụng số 08CN0215FECREDIT0012, ngày 16/11/2015 thì đại diện nguyên đơn xác nhận bà T không thuộc phạm vi bảo hiểm, trong suốt quá trình thực hiện thỏa thuận bảo hiểm tín dụng không phát sinh trách nhiệm bảo hiểm của bên nhận bảo hiểm. Do vậy, việc nguyên đơn đề nghị Tòa án không đưa Công ty H vào tham gia tố tụng là có căn cứ.

[3] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ lãi quá hạn và nợ gốc ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273; Điều 357 Bộ luật Tố tụng năm 2015;

Áp dụng các Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005.

Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Áp dụng Luật Phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

Về hình thức: Xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính T:

1. Buộc bà Phan Ngọc T phải trả cho Công ty tài chính T theo giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20151109-500000-0592 ngày 09/11/2015 số tiền nợ tính đến ngày 27/9/2018 là 44.274.498 (Bốn mươi bốn triệu, hai trăm bảy mươi bốn ngàn, bốn trăm chín mươi tám) đồng, trong đó, nợ gốc là 24.617.654 (Hai mươi bốn triệu, sáu trăm mười bảy ngàn, sáu trăm năm mươi bốn) đồng; nợ lãi là 19.656.844 (mười chín triệu, sáu trăm năm mươi sáu ngàn, tám trăm bốn mươi bốn) đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 28/9/2018 trở đi theo mức lãi suất được quy định tại “đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20151109-500000-0592 ngày 09/11/2015 cho đến khi bà Phan Ngọc T trả hết nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phan Ngọc T chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.213.725 (Hai triệu, hai trăm mười ba ngàn, bảy trăm hai mươi lăm) đồng.

Hoàn trả Công ty tài chính T số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.112.850 (Một triệu, một trăm mười hai ngàn, tám trăm năm mươi) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0026006 ngày 07/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ (TK Thơm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Phương